

Số: 59/2025/QĐST - HNGĐ

Tam Đường, ngày 12 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Hoá

Thư ký phiên họp: Ông Sùng A Thắng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025. Về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2025/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Thào A C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thào A S, sinh ngày 18/7/1992. Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Chị Hằng Thị S1, sinh ngày 17/6/1996. Địa chỉ: Bản S, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông Vàng A S2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu ông Thào A C trình bày:

Ông Thào A C có con dâu là Hằng Thị S1, sinh ngày 17/6/1996 và con trai là Thào A S sinh ngày 18/7/1992. Ngày 20/4/2012 chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S, hiện đang cư trú tại bản Sáy San 1, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu. Thời điểm đăng ký kết hôn, chị Hằng Thị S1 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Hằng Thị S1 sinh ngày 15/12/1994 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn của chị S1 và anh S là vi phạm quy định nên ông Thào A C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Đường hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S đều trình bày: Chị S1 và anh S đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, Hằng Thị S1 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên tự khai là Hằng Thị S1 sinh ngày 15/12/1994 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn, còn anh Thào A S do đọc tên theo tiếng dân tộc là Thào Páo S3 nên Ủy ban nhân dân xã N đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Hằng Thị S4, sinh ngày 15/12/1992 Thào Páo S3, sinh ngày 18/7/1992. Trước đây trong giấy khai sinh ngày 25/11/2008 chị Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996, hiện nay trong Căn cước công dân và xác nhận thông tin nơi cư trú có tên là Hằng Thị S1, sinh ngày 17/6/1996. Trước đây trong học bạ trung học cơ sở và giấy khai sinh ngày 02/11/2008 anh Thào A S có tên là Thào A S sinh ngày 18/7/1992 hiện nay trong Căn cước công dân và xác nhận thông tin nơi cư trú có tên là Thào A S sinh ngày 18/7/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chị S1 và anh S chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2024 bắt đầu mâu thuẫn. Chị S1 và anh S đồng ý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Thào A C.

Về nuôi con: Chị S1, anh S có 02 con chung là cháu Thảo Giàng P sinh ngày 24/02/2012 và Thảo Thị Linh C1 sinh ngày 20/9/2013. Anh S và chị S1 tự nguyện thỏa thuận anh Thảo A S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thảo Giàng P và Thảo Thị Linh C1 và đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Hằng Thị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh S, chị S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự đại diện Ủy ban nhân dân xã N trình bày: Anh Thảo A S và chị Hằng Thị S1 đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 4 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm kết hôn Thảo A S có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Thảo Páo S3 sinh ngày 18/7/1992 và Hằng Thị S1 có làm bản tự khai đăng ký kết hôn khai Hằng Thị S4 sinh ngày 15/12/1994 để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh P và chị S1. Nên UBND xã N đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Hằng Thị S4, sinh ngày 15/12/1994 và Thảo Páo S3, sinh ngày 18/7/1992, vào sổ số 07, quyển số 01/2012 ngày 20/04/2012. Theo tài liệu ông C gửi cho Tòa án trong học bạ trung học trung học cơ sở và trong bản sao giấy khai sinh từ ngày 02/11/2008 anh Thảo A S có tên là Thảo A S sinh ngày 18/7/1992, trong đơn xin xác nhận thể hiện anh Thảo A S sinh ngày 18/7/1992 và anh Thảo Páo S3, sinh ngày 18/7/1992 là một người có tên đúng là Thảo A S. Trong bản sao giấy khai sinh từ ngày 25/11/2008 chị Hằng Thị S1 có tên là Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996, trong đơn xin xác nhận thể hiện chị Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996 và Hằng Thị S1, sinh ngày 15/12/1994 và Hằng Thị S4 sinh năm 1994, Hằng Thị S5 sinh năm 1994 là một người có tên đúng là Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996. Do vậy việc đăng ký kết hôn của anh Thảo A S và chị Hằng Thị S1 trước kia không đúng theo quy định nên UBND xã N nhất trí với đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hằng Thị S1 và anh Thảo A S

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, xác định: Trong bản sao giấy khai sinh từ ngày 02/11/2008 anh Thảo A S có tên là Thảo A S sinh ngày 18/7/1992, trong đơn xin xác nhận thể hiện anh Thảo A S sinh ngày 18/7/1992 và anh Thảo Páo S3, sinh ngày 18/7/1992 là một người có

tên đúng là Thảo A S. Trong bản sao giấy khai sinh từ ngày 25/11/2008 chị Hằng Thị S1 có tên là Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996, trong đơn xin xác nhận thể hiện chị Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996 và Hằng Thị S1, sinh ngày 15/12/1994 và Hằng Thị S4 sinh năm 1994, Hằng Thị S5 sinh năm 1994 là một người có tên đúng là Hằng Thị S1 sinh ngày 17/6/1996.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Thảo Giàng P và Thảo Thị Linh C1 thể hiện: Cháu P và cháu C1 là con chung của anh Thảo A S và chị Hằng Thị S1, các cháu không có tài sản riêng. Cháu P và cháu C1 có nguyện vọng được ở với anh S.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; , Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Thảo A C. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hằng Thị S1 và anh Thảo A S theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, quyển số 01/2013 ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Thảo A S và chị Hằng Thị S1 về nuôi con chung. Đề nghị áp dụng Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: ông Thảo A C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Thào A C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hằng Thị S1, anh Thào A S, Ủy ban nhân dân xã N vắng mặt tại phiên họp, có đơn xin vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S đăng ký kết hôn ngày 20/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Hằng Thị S1, sinh ngày 17/6/1996 chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định (chị Hằng Thị S1 mới được 15 tuổi 10 tháng 03 ngày). Như vậy việc đăng ký kết hôn của chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại, anh S, chị S1 đã đủ tuổi kết hôn, quá trình chung sống anh S, chị S1 có mâu thuẫn, đồng thời anh S, chị S1 đều thống nhất yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Thào A C về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 01/2012 ngày 20/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Thào A S và chị Hằng Thị S1 vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Thào A S và chị Hằng Thị S1 phải chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh S, chị S1 có 02 con chung là cháu Thào Giàng P sinh ngày 24/02/2012 và Thào Thị Linh C1 sinh ngày 20/9/2013. Quá trình giải quyết việc dân sự cháu Thào Giàng P và Thào Thị Linh C1 có nguyện vọng muốn được ở với anh Thào A S. Anh S và chị S1 thỏa thuận anh Thào A S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thào Giàng P và Thào Thị Linh C1 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Hằng Thị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy thỏa thuận giữa anh S chị S1 về nuôi con chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị pháp luật cấm, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh S, chị S1 về nuôi con chung.

Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh S, chị S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: ông Thào A C không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 246; khoản 2, khoản 3 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; , Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Thào A C. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hằng Thị S1 và anh Thào A S theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2012 ngày 20/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Anh Thào A S và chị Hằng Thị S1 phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Thào A S và chị Hằng Thị S1: Anh Thào A S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Thào Giàng P sinh ngày 24/02/2012 và Thào Thị Linh C1 sinh ngày 20/9/2013 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Hằng Thị S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hằng Thị S1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh S, chị S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Thào A C không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo hoặc niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- UBND xã Nùng Nàng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Cao Thị Hoá